

BÓNG ĐÊM CỦA THẾ GIỚI MẠI DÂM: GÁI MẠI DÂM Ở BẮC KỲ THỜI PHÁP THUỘC^(*)

Nguyên tác: Isabelle Tracol-Huynh

Người dịch: Phan Đăng Nữ

Thế giới mại dâm là một thế giới lưu động, bởi vì gái mại dâm từ nhiều nơi xa hay gần đều đến cùng một thành phố. Đặc biệt là trường hợp ở Bắc Kỳ thời Pháp thuộc, nơi mà người ta nhận thấy có nhiều gái điếm Việt Nam, Trung Quốc, Nhật Bản và châu Âu. Tình hình lưu động của gái mại dâm được nghiên cứu trên cả hai phương diện: vừa là lưu động trong nước và lưu động nước ngoài: nhiều phụ nữ đến Bắc Kỳ làm gái điếm trong khi cũng có nhiều người khác đến đây để cầu may. Từ sự lưu động này có thể tìm hiểu về mạng lưới buôn người, về tình trạng tự nguyện hoặc cưỡng ép gái mại dâm, cũng như câu hỏi đặt ra đối với các cơ quan chức năng thời Pháp thuộc, họ đã chống việc buôn người như thế nào? Vì vậy, bài báo này quan tâm đến thế giới lưu động của gái mại dâm, ở nhiều quy mô khác nhau nhằm nêu lên tình hình mại dâm ở Bắc Kỳ trong bối cảnh rộng lớn Đông Nam Á.

Đặt vấn đề

Gái mại dâm không nói về chính mình, trong những tài liệu lưu trữ liên quan ở Bắc Kỳ thời thuộc địa, họ hiếm khi kể về cuộc đời mình (Corbin, 1991: 107). Ở Bắc Kỳ,⁽¹⁾ những câu chuyện về cuộc sống thường nhật của họ được các nhà báo ghi chép lại, nhưng liệu các tài liệu lưu trữ có được các nhà báo trực tiếp khai thác hay không? (Vũ 2011: 127-131). Trong khi các hệ thống quản lý tại chỗ ở Đông Dương ngay những ngày đầu khai thác thuộc địa, hệ thống này theo dõi gái mại dâm trên mạng lưới kiểm tra nhỏ hẹp, vì vậy rất khó để có thông tin về họ:⁽²⁾ Họ là ai? Họ từ đâu đến? Tại sao họ làm gái mại dâm? Qua theo dõi, thực sự có một sự mâu thuẫn hiển nhiên giữa tình trạng công khai và sự che giấu của gái mại dâm. Trong báo cáo chi tiết, các cơ quan chức năng chịu trách nhiệm về mại dâm không nêu chi tiết về bản thân các gái mại dâm, tuổi tác, nguồn gốc xã hội hay quê quán của họ. Tuy nhiên, người ta cố gắng để phân loại gái mại dâm theo tiêu chí phổ quát chung, như tình trạng hợp pháp (chính thức / gian lậu), địa chỉ (tại nhà / tại nơi cư ngụ) hoặc chủng tộc. Trong nghiên cứu của mình về tệ nạn mại dâm ở Hà Nội vào năm 1930, Tiến sĩ Joyeux đã dành một số trang về gái mại dâm. Ông bắt đầu bằng việc phân biệt gái mại dâm Việt Nam, Nhật Bản, Trung Quốc và châu Âu. Sau đó, đặc biệt tập trung vào gái mại dâm châu Á, thành phần chiếm con số

* "Silhouettes du monde prostitutionnel: Les prostituées au Tonkin colonial". Nguồn: <https://moussons.revues.org/3777>.

áp đảo, nhằm phân loại đối tượng có giấy phép hoặc không giấy phép, các ca kỹ và những hậu thiếp của người châu Âu.

Trong từng tiểu mục của công trình này, nghiên cứu trọng tâm là về các bệnh hoa liễu và độ nguy hiểm tương đối của từng loại gái mại dâm (Joyeux 1930: 463-467). Các đặc điểm vừa nêu, bao gồm cả vấn đề chủng tộc, có sự tham gia giám sát của y tế và cảnh sát - vì họ là cơ quan phòng chống mại dâm - có thể giúp lập lại trật tự. Tuy nhiên cảnh sát thường có xu hướng hạ thấp nhân phẩm khiến gái mại dâm không còn tồn tại như một con người. Năm 1942, gái mại dâm tạp chủng (con lai) ở Hà Nội được mô tả là “người bất bình thường và bất chấp pháp luật”, còn đối với gái làng chơi Trung Quốc, họ là những người “quá ngoan cố bất chấp mọi quy định.” Vì vậy, họ chỉ tồn tại theo băng đảng và sẽ tan rã vì tính cá nhân và định kiến xã hội đương thời. Tuy nhiên, báo cáo này xác định chính xác những gì liên quan đến các tụ điểm mại dâm như địa chỉ của các nhà thổ được cấp phép và danh sách chi tiết các bệnh phong tình và hoa liễu, số lượng tiêm chích và các loại thuốc khác nhau mà họ sử dụng để điều trị. Có điều, tác giả của báo cáo chỉ thống kê gái mại dâm như đếm gia súc, nhằm chỉ xác định nguồn gốc của họ.⁽³⁾ Bên cạnh đó, cảnh sát hoặc cơ quan y tế ít quan tâm đến thế giới của tệ nạn mại dâm vì họ đã từng thất bại trong việc kiểm soát do thiếu nguồn nhân lực và tài chính quan trọng. Như Giám đốc Sở Y tế Bắc Kỳ đã nhấn mạnh vào năm 1930, “vì thiếu chất lượng về nghiệp vụ chuyên môn nên không hoạt động hoặc được đào tạo lại, [...] chúng tôi chỉ kiểm soát được tối đa 5% gái mại dâm, còn 95% họ hoạt động ngầm”.⁽⁴⁾ Trong bối cảnh này, theo các tài liệu lưu trữ số lượng gái mại dâm được nêu trên là con số chính thức, nghĩa là họ có giấy phép hợp pháp và cảnh sát biết rõ họ, vẫn còn ở mức độ thấp hơn số lượng gái mại dâm hoạt động ngầm, cảnh sát rất khó ngăn chặn, vì chúng rất tinh vi.

Họ không nói về mình, “do họ bị ép buộc phải tuân theo giáo huấn cải tạo của pháp luật thông qua cảnh sát, y tế hoặc đơn giản là mệnh lệnh” (Corbin, 1991: 107). Vì vậy bài viết này cố gắng góp nhặt những thông tin rải rác trong nhiều tài liệu lưu trữ khác nhau, cụ thể là kho Lưu trữ Quốc gia Hải ngoại (ANOM) ở Aix-en-Provence và đặc biệt là Trung tâm 1 của Cục Lưu trữ Quốc gia tại Hà Nội. Các hồ sơ này nguyên trước đây được bảo quản trong kho lưu trữ của Tòa Khâm sứ Bắc Kỳ và các cơ quan của Đông Dương thuộc Pháp mà Hà Nội là thủ đô. Các nguồn tư liệu lưu trữ của Tòa Đốc lý Hà Nội, đặc biệt là nguồn tư liệu của cảnh sát kiểm tục (police de mœurs), tòa án cấp sơ thẩm Hải Phòng, quản lý y tế địa phương, thanh tra Tổng cục Vệ sinh và Y tế cộng đồng thuộc Đông Dương, được sử dụng để thực hiện công trình nghiên cứu này. Một khó khăn khác là các nguồn tin có tính chất chấp vá bởi vì tất cả tài liệu về mại dâm chưa từng được lưu giữ một cách có hệ thống. Minh chứng về sự quan tâm của chính quyền thuộc địa, chỉ là sưu tập nhỏ

về các hồ sơ phân loại được thực hiện trong thời kỳ thuộc địa bởi nhà lưu trữ Paul Boudet, có liên quan đến cảnh sát kiểm tục, cụ thể là bộ sưu tập D638. Tuy nhiên, tổng ngân sách trong suốt thời kỳ thuộc địa, chỉ đủ thực hiện cho 40 tập tin được lưu giữ trong bộ sưu tập này, về toàn bộ Bắc Kỳ. Để chọn một điển hình, người ta chỉ lấy thẻ cá nhân một gái làng chơi được bảo quản trong kho lưu trữ, trong khi có đến hàng nghìn thẻ gái làng chơi được bảo quản ở đó. Việc y tế và cảnh sát theo dõi về mại dâm đã tạo ra rất nhiều tài liệu được lưu giữ tại các trung tâm lưu trữ Pháp hoặc tại các trung tâm lưu trữ Việt Nam. Các tài liệu lưu trữ bị phân tán trong thời điểm giải phóng thuộc địa ở Việt Nam và một số tài liệu đã được đưa về Pháp và hiện đang lưu giữ trong ANOM ở Aix-en-Provence. Được biết tài liệu lưu trữ được quản lý, trong đó bao gồm tài liệu lưu trữ của cảnh sát, đã phần nào được bảo quản tại chỗ và lưu giữ tại Nha Lưu trữ của Tòa Khâm sứ Bắc Kỳ, nay thuộc Trung tâm Lưu trữ Quốc gia 1 Việt Nam (ANV1) tại Hà Nội. Tài liệu có thể đã bị thất lạc tại thời điểm phân tán, nhưng nhiều khả năng chúng bị thất lạc hoặc bị phá hủy, do cố ý hoặc không. Như đã ngụ ý trong tiêu đề của bài viết, nó không được công bố đầy đủ, tên một số thành phố và năm không rõ ràng.

Mặc dù nguồn tin rời rạc và gái mại dâm tiếp cận chủ yếu (với chính quyền) là y tế, do có sự liên quan chặt chẽ giữa các vấn đề mại dâm, các bệnh hoa liễu và sức khỏe cộng đồng, có thể dẫn đến một mối nguy cho xã hội và xác định một số đặc điểm quan trọng của tệ nạn mại dâm ở Bắc Kỳ. Trong bối cảnh vấn đề đặc biệt này, hướng nghiên cứu đáng chú ý là tìm hiểu sự lưu động của gái mại dâm, ở những quy mô khác nhau, để đặt mại dâm ở Bắc Kỳ vào trong tổng thể lớn hơn của Đông Nam Á.⁽⁶⁾ Trong thực tế, gái mại dâm lưu động từ nước này sang nước khác, từ vùng này sang vùng khác, từ thành phố này sang thành phố khác, tùy thuộc vào cơ hội hoặc, trong trường hợp họ bí mật di chuyển để thoát khỏi sự giám sát của cảnh sát. Sự lưu động này được nghiên cứu ở nhiều mức độ và ở cả hai trường hợp vừa là lưu động trong nước, vừa di chuyển ra nước ngoài: một số gái mại dâm đến Bắc Kỳ trong khi những người khác đến đây để thử vận may. Sự dịch chuyển này làm nảy sinh các vấn đề về mạng lưới buôn người và đặt câu hỏi, thực tế, là có tính chất cố ý hay cưỡng ép, đặc biệt vấn đề này đặt ra cho chính quyền thuộc địa phải đồng tâm chống nạn buôn người bởi danh nghĩa họ là chính quyền đương nhiệm.⁽⁷⁾

Một thế giới đa chủng tộc

Một trong những cách đầu tiên để phân tích thế giới lưu động của gái mại dâm là dựa trên nghiên cứu sự đa dạng về nguồn gốc chủng tộc bởi vì chúng ta nhận thấy ở Bắc Kỳ có cả các cô gái Bắc Âu, Nhật Bản, Trung Quốc và Việt Nam. Sự hiện diện của ba loại đầu tiên giúp ta có thể định vị ở Bắc Kỳ các xu hướng mại dâm đa sắc màu bao gồm châu Âu và châu Á, cũng như Bắc Phi, Ấn Độ, Úc hay Mỹ (Limoncelli 2010: 28-38, Warren 2003: 67).

Sự hiện diện từ rất sớm của gái mại dâm châu Âu

Hiếm có được thông tin về gái mại dâm châu Âu vì chúng gây ra vấn đề cho chính quyền thuộc địa. Trật tự thuộc địa phụ thuộc vào các phạm trù xã hội, y khoa và pháp lý để phân loại các cá nhân theo một hệ thống phân cấp có yếu tố chính là chủng tộc. Tuy nhiên, thế giới mại dâm đã làm mờ đi các ranh giới chủng tộc do sự đa dạng của khách làng chơi: khách hàng là người Việt Nam, Trung Quốc, Pháp, v.v... Những cô gái mại dâm chủ yếu là người Việt Nam, nhưng cũng có người Trung Quốc, Nhật Bản và châu Âu. Quy tắc mại dâm không phân biệt đối xử với khách hàng, và ngoại trừ các nhà chứa quân sự trong những năm 1940-1950, các nhà chứa đều mở cửa cho tất cả những ai muốn mua dâm: năm 1910, gái mại dâm châu Âu ở Hà Nội “cũng dâm hiến cho người An Nam như người châu Âu”; năm 1938, nhà báo Trọng Lang đã đến một nhà thổ người Việt Nam ở Hà Nội, nơi cũng có một người lính Pháp (Trọng Lang 2000: 184).⁽⁸⁾ Nếu chúng ta lấy thí dụ về gái mại dâm châu Âu không phân biệt chủng tộc khách hàng, thì đó là một mối đe dọa cho trật tự thực dân bởi “có quan hệ tình dục với một phụ nữ da trắng, hãy trả giá cho cô ta như một ‘món hàng thông thường’, làm cho người thuộc địa đảo ngược mối quan hệ thống trị và viết lại lịch sử theo cách của họ” (Taraud 2011: 381). Khác với người Maghreb (các dân tộc Bắc Phi, thuộc địa Pháp), hoặc các đô thị quân sự khác, khi quân thực dân hay công nhân từ các thuộc địa có mặt, việc giữ gìn trật tự thực dân không được bỏ qua sự “phân biệt chủng tộc về quan hệ tình dục” (ibid. 381-384). Ở Bắc Kỳ các quy định về mại dâm lại đưa ra ranh giới chủng tộc nhằm kiểm soát xã hội thuộc địa trong lĩnh vực mại dâm chứ không ở mức độ mua bán, nhưng quy mô gái mại dâm có sự phân biệt giữa gái mại dâm châu Âu và châu Á. Thật vậy, trong khi mục đích giám sát mại dâm là để đưa ra ánh sáng nhằm chống tệ nạn này, gái mại dâm châu Âu lại cố ý duy trì hoạt động trong bóng tối: “Vì nhiều lý do, tốt hay xấu, Bắc Kỳ bất chấp tất cả. Để tránh đưa nạn mại dâm châu Âu lên bản đồ” (Happy 1930: 465). Sau đó, vào năm 1930 Tiến sĩ Joyeux ước tính rằng có một số gái mại dâm châu Âu tại Hà Nội, nhưng trong các báo cáo của cơ quan quản lý về sức khỏe mà ông viết, chúng tôi đọc nhiều lần, “mại dâm châu Âu chính thức không tồn tại” (ibid: 458).⁽⁹⁾

Do các tài liệu lưu trữ không được sử dụng, nên rất khó nhận biết làm thế nào và tại sao gái mại dâm châu Âu lại đến Bắc Kỳ. Sự hiện diện của họ đúng thời điểm tại Hà Nội vẫn được chứng minh ít nhất cho đến đầu những năm 1940. Ngoài Hà Nội, tài liệu lưu trữ về gái mại dâm vẫn chưa được khai thác ngoại trừ một thư mục đề cập đến trường hợp của Paulette Chevalier đến Hà Nội vào năm 1933 và bị trục xuất khỏi Lạng Sơn cùng thời điểm đó, và năm 1942 tệ nạn mại dâm bất hợp pháp bị đình chỉ tại Hà Nội từ một vụ án cấp nhãn. Trong một cuộc thẩm vấn về tệ nạn mại dâm, người ta đưa ra lý do vì sao gái mại dâm đến Bắc Kỳ và vì sao cảnh sát

không đặt một nghi vấn nào về họ.⁽¹⁰⁾ Đông Dương, đặc biệt là Bắc Kỳ, dựa vào tài liệu lưu trữ ở Sài Gòn, người ta thấy tìm dấu vết của gái mại dâm, dường như Bắc Kỳ không phải là nơi đến của đa số gái mại dâm mà họ còn quá cảnh từ đây để đến Singapore hay Thượng Hải.⁽¹¹⁾

Không có nhu cầu cần gái mại dâm nước ngoài đối với người bản địa ở Đông Dương, và theo các cơ quan chức năng, nhu cầu này cũng hiếm thấy đối với người châu Âu ở đây, nơi mà người ta thường sống một cuộc đời bình thường, có nhiều người vẫn độc thân trong một thời gian dài, hoặc sống đàn ông với các tình nhân bản xứ hoặc “congaïses”(con gái). Cảnh sát tin rằng gái mại dâm người Pháp ở Sài Gòn, là hành khách của những chiếc tàu quá cảnh tại đây, họ là gái mại dâm ở Pháp, nơi xuất phát trực tiếp đến hoặc sau khi trải qua một thời gian ở Ai Cập [sic]. (Fraissinet 1935: 29).⁽¹²⁾

Hồ sơ liên quan của Paulette Chevalier không xác định liệu có phải cô đã hành nghề mại dâm từ trước ở Pháp hoặc trong một số thuộc địa của Pháp, nhưng có thể đây là trường hợp cô ta hành nghề ngay sau khi đến Bắc Kỳ.⁽¹³⁾

Sự trù phú của thuộc địa Đông Dương và đặc biệt là tỷ giá hối đoái thuận lợi giữa đồng đôla và đồng franc, đã biến nơi đây thành một điểm đến hấp dẫn cho những ai muốn làm giàu nhanh chóng: Netta Fass - gái điếm ở Sài Gòn, đến Đông Dương kiếm tiền kinh doanh cà phê mà vẫn giữ được bạn tình ở Marseille. Trước khi đến Nam Kỳ, cô là “khách trọ” của một nhà thổ ở Tunis và sau đó ở Marseille - điều này được xác nhận qua lời Marc Fraissinet - và sau đó cô đã chọn Đông Dương theo lời khuyên của ông chủ cô từ Marseille. Sự lựa chọn này có thể quá dễ dàng để khuyến khích gái mại dâm Pháp đến Đông Dương: Netta Fass xuất hiện trong tài liệu lưu trữ, không phải vì cô là gái mại dâm, mà bởi vì cô sử dụng một tấm giấy chứng minh giả mạo của Pháp để đến Sài Gòn.⁽¹⁴⁾ Khả năng kiếm tiền của gái mại dâm châu Âu vẫn còn hạn chế bởi ít khách hàng hào sảng, mà giá cả chênh lệch gái mại dâm châu Âu cao nên họ bị hạn chế khách hàng: Khách làng chơi châu Âu còn ít, ngoài ra họ còn phải cạnh tranh gắt gao với người châu Á, cho dù hầu gái hay gái mại dâm. Tất cả những lý do này giải thích số lượng gái mại dâm châu Âu thấp so với các đối tượng ở các vùng lãnh thổ khác của Đông Nam Á và gái mại dâm châu Á ở Bắc Kỳ.⁽¹⁵⁾

Karayuki-san: Gái giang hồ Nhật Bản

Hãy xem xét về một con số tương đối thấp gái mại dâm người Nhật hành nghề ở Bắc Kỳ. Không giống như gái mại dâm ở châu Âu, sự hiện diện của họ được các cơ quan thực dân thuộc Bắc Kỳ chấp nhận rộng rãi và vì thế dễ dàng nghiên cứu những cô gái làng chơi nổi tiếng này trong các tài liệu sử học dưới cái tên karayuki-san.⁽¹⁶⁾ Gái mại dâm người Nhật có mặt tại tất cả các thành phố lớn ở Trung Quốc và



Hình 1: Số người karayuki-san ở Hà Nội.

châu Âu, do số lượng khách hàng ít ở Đông Dương, ngay cả ở các thành phố lớn như Hà Nội hoặc Sài Gòn, cũng như các vùng khác của Đông Nam Á, nhất là Singapore. Thành phố sau này thực sự được biết đến là một thành phố phát triển kinh tế rất quan trọng, cho phép và đòi hỏi sự có mặt của một lực lượng lớn lao động nam. Như đã đề cập về vấn đề này, James Warren, nhà sử học chuyên nghiên cứu tệ nạn mại dâm tại Singapore, các culi (coolies: phu khuân vác) người Trung Quốc kết hôn với nhau, họ không có khả năng tài chính hoặc không thể mang vợ theo một cách hợp pháp, điều này tạo ra một thị trường to lớn cho mại dâm (Warren 2003: 33). Tình hình ở Đông Dương rất khác biệt, đến nỗi không phát triển được kinh tế. Tại Singapore, sự có mặt của các karayuki-san nhằm đáp ứng nhu cầu của một nhóm thương gia Nhật Bản buôn bán ở nước ngoài. Lý do này thực sự không áp dụng ở Đông Dương vì rất ít đàn ông Nhật Bản và không đáp ứng đủ khách hàng: vào năm 1907, có bảy gái mại dâm Nhật Bản và một mệnh phụ ở thành phố Đáp Cầu nhưng cả tỉnh Bắc Ninh không có đàn ông Nhật Bản nào.⁽²⁰⁾ Vì họ đắt giá hơn các gái mại dâm châu Á khác, họ chỉ có thể có một lượng khách hàng hạn chế là quân nhân châu Âu hoặc thương nhân giàu có. Họ có mặt ở các thành phố lớn ở Bắc Kỳ - Hà Nội và Hải Phòng, tại các thành phố quân sự - Lạng Sơn và Yên Bái và tại các trung tâm khai thác mỏ - Hòn Gai và Thái Nguyên (xem hình 2).

Người châu Âu tạo ra lượng khách hàng tiềm năng đối với gái mại dâm: “người Nhật từ lâu đã xâm chiếm các cảng của vùng Viễn Đông: Bắc Kỳ, kể từ khi Pháp chiếm đóng, đã thu hút được sự chú ý của các chủ chứa và hiện nay các nhà thổ tăng lên tràn sang biên giới Trung Quốc, ở tất cả các trung tâm nơi nào cũng nhận thấy có sự tụ họp đông đúc của người châu Âu” (Roux 1905: 204). Người châu Âu có điều kiện tài chính để thường xuyên đi lại với karayuki-san, mà họ cảm

Đông Nam Á, nhất là Singapore, Philippines và Indonesia, nơi có hàng nghìn gái mại dâm.⁽¹⁷⁾ Số lượng này ở Đông Dương ít hơn vì báo cáo của Nhật Bản năm 1914 chỉ thống kê là 340 người.⁽¹⁸⁾ Dù quy mô được tuyển chọn, các báo cáo cũng đều giống nhau: trong khi Singapore có vài nghìn gái mại dâm người Nhật, thì Hà Nội có tối đa 30 người (Warren 2003: 85-87) (xem hình 1).

Sự khác biệt này được giải thích giống như đối với gái mại dâm



Hình 2: Sự phân bố người karayuki-san ở Bắc Kỳ giữa 1896 đến 1917. Nguồn và tư liệu bổ sung: (Tracol Huynh 2013:393).⁽²¹⁾

Loti Madame Chrysanthème (Roustan 2012: 53-60). Người Pháp gọi gái mại dâm Nhật Bản là *mousmes* (gái Nhật), chứ không gọi karayuki-san, họ là một phần của trí tưởng tượng kỳ lạ và gợi tình cho các thủy thủ Pháp và dù có bị “dù đục” thì đó cũng là nghĩa vụ mà họ phải tỏ ra kính trọng, cũng như *mousmes* (gái Nhật) luôn tôn trọng danh tiếng của hải quân Thiên Hoàng.

Gái mại dâm Nhật Bản xuất hiện ngay từ buổi đầu thực dân Pháp đến Đông Dương và biến mất khoảng năm 1920. Phong trào di cư đưa gái mại dâm Nhật Bản



Hình 3: Một karayuki-san và khách hàng của cô ta, một sĩ quan người Âu châu. Nguồn: hình minh họa trích từ tuần báo *La Vie Indochinoise* ngày 12/12/1896 (Roustan 2012:80).

thấy hấp dẫn hơn các gái mại dâm châu Á khác. Theo Auguste Morel, một viên hạ sĩ Hải quân đến Bắc Kỳ vào năm 1890, thì gái mại dâm “được đối xử cảm thông bởi người châu Âu, đặc biệt là quân đội Pháp” (Morel Năm 1953: 54).

Frédéric Roustan đã thể hiện trí tưởng tượng trùng khớp hình ảnh của gái mại dâm Nhật và ông đã che chở cho họ, chủ yếu là nhờ một phần công sức của Pierre

đến khắp khu vực Đông Nam Á có điểm khác biệt là nếu chính phủ Nhật không quản lý họ thì ít nhất cũng khuyến khích họ (Warren 2003: 199). Xuất thân từ các tỉnh nông thôn nghèo ở đảo Kyushu, ở miền nam Nhật Bản, gái mại dâm Nhật thực hiện nghĩa vụ đạo hiếu qua việc gửi tiền cho gia đình họ, và hoàn thành nhiệm vụ với nước nhà.⁽²²⁾ Sau chiến thắng của Nhật Bản (trong cuộc chiến tranh Nga-Nhật) năm 1905, quyền lực của Nhật Bản ở châu Á ngày càng cao khiến các nhà chức trách thuộc địa đã bắt đầu thấy gái mại dâm Nhật Bản có thể là gián điệp (Nolly 1921: 77). Năm 1910, Toàn quyền Đông Dương đã lưu ý Thống sứ Pháp ở Campuchia cần quan tâm đến một ngôi nhà của người Nhật ở Battambang. Sau khi điều tra, các nhà

chức trách kết luận rằng không có mối nguy hiểm nào từ sự tồn tại của ngôi nhà này, dù là về gián điệp - việc bố trí nhà ở trong quân đội không phải là bí mật bởi vì chính phủ đã đặt ngoại giao với Xiêm La. Điều này ngụ ý rằng không giống tình hình ở Việt Nam, nơi mà những chiến thắng của Nhật Bản có thể có ảnh hưởng lớn hơn.⁽²³⁾ Do đó gái mại dâm Nhật Bản bị giám sát bởi vì họ là người Nhật hơn họ là gái mại dâm.



Hình 4: Tòa “Lãnh sự” Nhật Bản: Tòa Lãnh sự và nhà thổ. Nguồn: Hình ảnh minh họa trích dẫn từ nhật báo *La Vie Indochinoise* ngày 13/11/1897 (Roustan 2012:17).

Một biểu hiện khác về mối liên hệ giữa chính phủ Nhật và karayuki-san ở Đông Dương là việc sử dụng cụm từ “tòa lãnh sự” để ám chỉ nhà thổ Nhật Bản. Những ngôi nhà này thực hiện các chức năng tòa lãnh sự: hàng hóa của người quá cố chuyển đến những căn nhà này và đây cũng là nơi gặp gỡ giữa người Nhật Bản ở Đông Dương và người Nhật Bản quá cảnh. Albert Puech mô tả một nhà thổ Nhật Bản ở Hà Nội còn được gọi là “Tòa Đại sứ hoặc Phủ Toàn quyền” vì nó cũng là nơi cư trú của các lãnh sự Nhật Bản tại Hà Nội, lãnh sự cũng là người bảo trợ cho một tá gái mại dâm (Puech 1935: 59).

Việc thiết lập các tòa lãnh sự ấy chính thức bắt đầu vào năm 1920 đã khiến các viên chức Nhật Bản mất dần chức năng chính trị của mình, nhưng đây không phải là vấn đề nghiêm trọng nhất đối với họ (Roustan 2001: 117). Karayuki-san dần trở thành một nỗi ô nhục cho quốc gia, cho Chính phủ Nhật Bản, khi mà sau Thế chiến thứ nhất chính phủ dự định cho họ tham gia các buổi dạ tiệc của quốc gia. Kể từ năm 1917, một chiến dịch chống lại sự tồn tại của karayuki-san do các thành viên của cộng đồng người Nhật Bản ở Bắc Kỳ tiến hành. Chiến dịch này ngày càng được tăng cường vào năm 1921:⁽²⁵⁾

Tôi xin trân trọng thông báo cho quý vị rằng Chính phủ Nhật Bản đã quyết định chấm dứt tình trạng mại dâm Nhật Bản ở nước ngoài, tôi sẽ sớm thực hiện các bước cần thiết trong phạm vi quyền tài phán của tôi để tránh trong tương lai những người phụ nữ bất hạnh phải làm cái nghề đồi bại và đáng xấu hổ này. Để cho phép tôi đẩy nhanh việc vô hiệu hóa sự áp bức chủ nghĩa thuộc địa đối với phụ nữ Nhật Bản rơi vào tình trạng trên, tôi cần phải có rất nhiều nghĩa vụ, tôi mong muốn ngài Toàn quyền đưa ra các hướng dẫn cần thiết cho các cơ quan có thẩm quyền để, từ đây trở đi, không có giấy phép hay sự ủy quyền nào được cấp dưới bất kỳ hình thức nào cho người nộp đơn mới.⁽²⁶⁾

Mặc dù ngài Toàn quyền Đông Dương không hoàn toàn chấp nhận yêu cầu này nhưng ông không thể khước từ người được Chính phủ Nhật Bản ủy quyền thực hiện và áp dụng các quy tắc. Số lượng gái mại dâm Nhật Bản đã bắt đầu giảm dần ở Đông Dương và các tài liệu lưu trữ không còn đề cập những vụ việc này sau đó. Tất cả gái mại dâm đều hồi hương, và nếu nhà chứa Nhật Bản biến mất thì khách sạn thay thế, mại dâm của Nhật Bản sẽ hoạt động theo hình thức mới rất kín đáo.

Dù rằng giới karayuki-san có mặt ít hơn tại Bắc Kỳ và Đông Dương nói chung, so với phần còn lại nói chung của Đông Nam Á,⁽²⁷⁾ và họ chính thức biến mất, sớm nhất, vào những năm 1920, điều này không khiến họ mất đi cơ hội thành công ở Bắc Kỳ. Một đường phố ở Lạng Sơn cũng mang tên họ (xem hình 5).



Hình 5: Sơ đồ trung tâm đô thị Lạng Sơn (1917).
Nguồn: Thư viện Quốc gia Pháp.



Hình 6: Bưu thiếp mô tả gái mại dâm Nhật Bản trong bộ quốc phục.⁽²⁸⁾

Một minh họa sinh động trong văn học nhiều nước, mousme (gái Nhật) là từ phổ biến với danh tiếng của họ và nó xuất hiện cụ thể. Gái Nhật phân biệt rõ ràng với những cô gái mại dâm châu Á khác trong bộ trang phục - một bộ kimono và guốc gỗ - và chiếc bờ đoàn, đặc biệt là họ không giống với một số cô gái mại dâm Việt Nam hành nghề có xu hướng Tây hóa, còn họ mang trang phục truyền thống được gọi là quốc phục (xem hình 6).

Mặc dù không đông hơn gái mại dâm Trung Quốc và Việt Nam, karayuki-san được giới thiệu rộng rãi trên bưu thiếp lưu hành giữa châu Á và Pháp, đã là chứng minh về sự thành công của họ đối với người châu Âu (Roustan 2012: 79-83). Gái Nhật, họ có mặt ở Bắc Kỳ với con số khiêm tốn nhưng không ngăn cản họ tạo thành nhân tố chính trong bức tranh tổng quan mại dâm Bắc Kỳ, cả trong cảm nhận và thị giác.

Từ Trung Quốc đến Đông Dương và ngược lại



Hình 7: Một ca kỹ Trung Quốc ở Hải Phòng khoảng năm 1900.⁽³²⁾

thích trong một đoạn của báo cáo năm 1942: “gái mại dâm lai hoặc người Trung Quốc, trong mọi quan điểm, người Á-Âu đều giống nhau; họ vô cùng cứng rắn, bất chấp mọi quy định. Thêm vào đó sau đồng bọn, họ tìm được một chỗ dựa vững chắc để chỉ trích chúng tôi hoặc tránh né những yêu cầu của chúng tôi”.⁽³¹⁾ Việc bác bỏ quy định (về hành nghề mại dâm) bắt nguồn từ thực tế là gái mại dâm Trung Quốc không nhận mình là gái mại dâm, mà là ca kỹ.

Nhận định này phản ánh cả sự vắng mặt của gái mại dâm Trung Quốc trong các báo cáo của phòng khám phụ khoa tại Hà Nội trước năm 1942 và rằng viên chỉ huy đồn biên phòng 2 phản nản về “cuộc sống bê bối của phụ nữ Trung Quốc” khi họ đến Cao Bằng, Hải Phòng, Hà Đông và Hà Nội.⁽³³⁾ có rất nhiều gái mại dâm Trung Quốc, nhưng cảnh sát kiểm tục không thể kiểm soát được họ. Thật khó khăn trong việc áp dụng các quy định đối với gái mại dâm Trung Quốc, bắt nguồn từ tình trạng họ là người nước ngoài ở Đông Dương. Các nhà chức trách thuộc địa có nghĩa vụ phải chú ý đến thủ lĩnh các bang hội (người Hoa) trong mối quan hệ của họ với phụ nữ Trung Quốc, tạo cho họ thêm một phương tiện để phá vỡ hệ thống này.⁽³⁴⁾ Vai trò của thủ lĩnh các bang hội liên quan đến tệ nạn mại dâm cũng góp

Chắc chắn số lượng gái mại dâm Trung Quốc nhiều hơn so với gái mại dâm châu Âu và Nhật Bản, tuy nhiên tất cả họ không xuất hiện trong tài liệu lưu trữ. Báo cáo từ cơ quan Quan thuế Hà Nội chỉ đề cập họ hai lần, vào năm 1942 và 1943.⁽²⁹⁾ Nó được kể lại gần giống hệt nhau trong phòng trà và tương đối mơ hồ: “tại Hà Nội nơi tồn tại nhiều con nghiện người châu Âu hoặc Âu Á [sic]. Nhà chứa là nơi gặp gỡ của ba loại gái mại dâm Âu Á, Trung Quốc, Đông Dương [sic]. Họ đã được đăng ký và thăm khám tại y tế, tại phòng khám phụ khoa, hoặc tại thị trấn bởi một bác sĩ châu Âu mà họ lựa chọn [sic]”.⁽³⁰⁾ Sự mơ hồ xuất phát từ việc nhầm lẫn giữa các tụ điểm - phòng trà, điểm nghiện hút, nhà chứa - và đặc biệt là khi đề cập đến gái mại dâm Trung Quốc bởi những con số chính thức đăng ký gái mại dâm trong suốt hai năm không hề đề cập đến họ. Bằng chứng này được giải

phần khẳng định sự hiện diện chính thức của gái mại dâm Trung Quốc, trong khi các bang hội Chợ Lớn ở Nam Kỳ cấm mại dâm, nhưng bang ở Hải Phòng lại cho phép tệ nạn này nên có nhiều gái mại dâm Trung Quốc thường xuyên hoạt động ở thành phố này.⁽³⁵⁾

Những báo cáo của Phòng khám phụ khoa Hải Phòng năm 1930 và 1934 xác nhận sự có mặt gái mại dâm Trung Quốc, mà không xác định liệu họ thường xuyên đăng ký và không đăng ký bao nhiêu người. Người ta có thể tìm thấy mặt trái về vị trí thuận lợi của hội đồng hương Trung Quốc đối với mại dâm: vào năm 1941, người đứng đầu hội “Souhaite vivement” Trung Quốc ở Cao Bằng đã chứng kiến sự trục xuất 150 “phụ nữ khinh bạc người Trung Quốc” vì đã hoạt động trên nhiều đường phố.⁽³⁶⁾ Liệu họ có đồng tình với mại dâm hay không? Các thủ lĩnh bang hội thường ủng hộ chính quyền thuộc địa trong việc kiểm soát mại dâm. Và lại, không hẳn rằng bảng thống kê thực hiện đối với Nam Kỳ là đúng bởi vì tất cả các ngân sách của Nam Kỳ đều không được tính trong công việc này, một số tài liệu cho thấy sự tồn tại của một số gái mại dâm Trung Quốc ở Chợ Lớn, một thành phố đông dân người Hoa. Tại Sài Gòn, sự tồn tại cũng như không tồn tại của mại dâm Trung Quốc, là càng khó khăn hơn để thiết lập một nhà thổ: vào năm 1904 đã có một nhà thổ Trung Quốc, nhưng cuối cùng các gái mại dâm Trung Quốc dường như đã biến mất, đến mức Tòa Đốc lý quyết định bãi bỏ các quy định chung về đánh thuế gái mại dâm và nhà thổ Trung Quốc.⁽³⁷⁾

Một lý do cuối cùng về sự hiện diện kín đáo của gái mại dâm Trung Quốc trong tài liệu lưu trữ là do nguồn gốc khách hàng: ở Sài Gòn và Chợ Lớn vào năm 1904 và tại Hà Nội vào năm 1930, gái mại dâm cũng như ca kỹ Trung Quốc dường như dành riêng cho các khách hàng Trung Quốc, do đó cơ quan chức năng Đông Dương ít quan tâm.⁽³⁸⁾ Rất đông khách hàng (người Hoa) ở Đông Dương, Trung Quốc nắm giữ một phần đáng kể về thương mại đối nội và đối ngoại Đông Dương (Brocheux & Hémery 1994: 194-195). Số lượng lớn gái mại dâm và ca kỹ Trung Quốc ở Hải Phòng là một minh chứng bởi thực tế rằng thành phố này, cảng chính của Bắc Kỳ, gần Trung Quốc, có một cộng đồng người Hoa lớn. Bảng thống kê giống như thế cũng có thể được thực hiện ở Nam Định, nơi có bốn mươi ca kỹ được các thương nhân Trung Quốc che chở tại thành phố này năm 1894.⁽³⁹⁾ Mặc dù sự hiện diện của người Hoa ở thành phố này được hiểu rằng họ là gái mại dâm / ca kỹ Trung Quốc, đây không phải là cách hiểu duy nhất: vì vậy (căn cứ vào hồ sơ) năm 1901 nhất thiết phải xem lại tình trạng gái mại dâm ở thành phố Nam Định vì sự gia tăng dân số châu Âu sẽ làm tăng số lượng nhà thổ Nhật Bản và Trung Quốc.⁽⁴⁰⁾ Năm 1926, một gái mại dâm ngầm người Trung Quốc ở Hải Phòng bị cảnh sát bắt sau khi bị một sĩ quan quân đội châu Âu thuộc bộ binh 9 theo dõi.⁽⁴¹⁾ Nếu gái mại dâm Trung Quốc cũng có khách hàng châu Âu, đa số các khách hàng của họ vẫn là

người Trung Quốc, như vậy vấn đề gái mại dâm đã lan rộng ở các thành phố nơi họ hoạt động: Hà Nội - thủ đô, Hải Phòng - cảng, Nam Định - thành phố nơi Công ty dệt sợi Bắc Kỳ - ba trung tâm kinh tế lớn của Bắc Kỳ, và có cả Cao Bằng, Móng Cái và Lào Cai.⁽⁴²⁾ Trong ba thành phố vừa nêu, sự hiện diện của người Hoa là rất quan trọng vì thương mại và sự quan hệ gần gũi của họ với Trung Quốc.

Đối với Cao Bằng, Móng Cái và Lào Cai, đặc biệt là vùng lân cận Trung Quốc, có sự hiện diện của gái mại dâm Trung Quốc bởi vì tất cả họ đều không bị bắt buộc phải sống tại các thành phố của Việt Nam. Họ đến đây vào buổi tối để tìm khách hàng đã từng sống ở Trung Quốc, đó là hành vi trốn luật. Tình hình này dường như xảy ra thường xuyên bởi vì các quy định của cảnh sát Cao Bằng và Móng Cái đã canh phòng các trường hợp phụ nữ Trung Quốc vượt biên.⁽⁴³⁾ Việc vượt biên cũng có thể được thực hiện theo nhiều cách khác nhau và gái mại dâm Việt Nam, Trung Quốc hoặc Việt Nam đôi khi sang Trung Quốc để tránh sự giám sát của cảnh sát kiểm tục. Vào năm 1914, đã xảy ra việc “những phụ nữ, ở Tong-Hing, đến hành nghề mại dâm cho những người lính Moncay (Móng Cái)”, nhưng không được xác định rõ danh tính liệu họ là người Việt Nam hay Trung Quốc.⁽⁴⁴⁾ Tuy nhiên biên giới Trung-Việt thực sự “đã bị xóa nhòa và công ước nhà nước, đóng vai trò là một màng chắn thừa, qua đó tạo nên sự đi lại gần gũi giữa các khu vực kể từ nhiều thế kỷ, làm ảnh hưởng đến cả hai hệ thống nhà nước khác nhau nhưng lại tạo thành một hệ phức hợp giữa con người và kinh tế” (Dauphin 1989: 105). Ở khu vực phía bắc này, Trung Quốc và Pháp kiểm soát không chặt chẽ, cả hàng hóa và người dân đều dễ dàng chuyển tiếp như “đối với người dân địa phương sống trong nhiều thập niên ở các thị trấn và thôn bản biên giới, thường xuyên liên lạc với người bên ngoài nhưng vẫn quen thuộc, biên giới thực chất chỉ là một con sông, một cây cầu, một cổng tượng trưng để vượt qua” (Grillot 2010: 46-47). Sự lỏng lẻo ở biên giới, đặc biệt là từ Việt Nam sang Trung Quốc, biểu hiện qua một hiện tượng khiến chính quyền thuộc địa và SDN (Société des Nations: Hội Quốc Liên) lo ngại:⁽⁴⁵⁾ việc buôn bán người (Lessard 2015).

Cố ý hay cưỡng ép, nguyên nhân và mạng lưới lưu động

Kể từ nhiều thế kỷ, Viễn Đông là khu vực diễn ra tình trạng buôn bán “cái ngàn vàng” của phụ nữ, như đã khảo cứu ở phần đầu của André Baudrit, nhà sử học Pháp đã sống ở Đông Dương đầu thế kỷ XX (Baudrit et al. 2009: 100).⁽⁴⁶⁾ Nếu những con đường buôn người ở Bắc Kỳ nổi tiếng là quản lý chặt chẽ, thì điều quan trọng vẫn là con đường buôn bán này khó kiểm soát được những hiện tượng gian lận. Năm 1912, Thống sứ Bắc Kỳ báo cáo rằng có 500 trẻ em bị mua đến Bắc Kỳ ở mọi độ tuổi. Người ta đã thực hiện một cuộc phỏng vấn để tìm hiểu về hiện tượng buôn người này, là do tự nguyện hay cưỡng ép thành gái mại dâm. Do vậy, có hai chương nghiên cứu về đề tài “bắt cóc” và “bán người”, André Baudrit nhận thấy

rằng đa số phụ nữ không hẳn là nạn nhân bị bán, mà trong số nạn nhân là có số người cố ý:

Nhất thiết phải sống! Nhưng sống như thế nào? Vì vậy phải từ bỏ quê hương. Các cô gái hiểu điều này, nhưng họ vẫn ra đi. Họ bị những ham muốn không biết trước và ham muốn tương lai thúc đẩy họ, chính những ham muốn này dẫn đến khát khao thay đổi hoàn cảnh. Sự tồn tại của họ là quá tạm bợ khi đến một nơi mà không hề biết mình làm được gì, hoặc là họ tiếp tục cuộc sống đầy đau khổ và ngày càng tồi tệ hơn, hoặc ngược lại sẽ đạt đến địa vị tốt đẹp hơn. Vì thế, đó là nguyên nhân mà các cô gái xiêu lòng theo các tay môi giới.

Giới buôn người và các đường dây buôn người ở Bắc Kỳ

Như đã thể hiện trong các tài liệu lưu trữ hoặc trên báo chí, buôn người là một hành vi liên quan đến người Trung Quốc, thường được gọi là cướp biển, chúng bắt cóc phụ nữ và trẻ em ở Bắc Kỳ rồi đưa họ sang Trung Quốc cho nhận con nuôi, làm thê thiếp hoặc để cung cấp cho nhà thổ. Trên thực tế, sự việc quá phức tạp và nếu người Trung Quốc thực sự có mặt trong mạng lưới lưu động này, vì lý do rõ ràng về sự hiểu biết thị trường Trung Quốc, người Việt Nam cũng đóng một vai trò quan trọng. Thậm chí phụ nữ Việt Nam tham gia vào việc buôn người còn nhiều hơn nam giới, vì nhiều người trong số họ có quan hệ gần gũi với người Trung Quốc, như vợ hoặc người giúp việc. Họ tìm kiếm những cô gái trẻ ở các khu chợ, nơi có thể tẩu thoát dễ dàng mà không ai có thể nhìn thấy vì nhiều người từ nông thôn đến chợ để bán lúa gạo, và họ thường xuyên đi lại bằng những chiếc thuyền. Lợi dụng việc các cô gái trẻ đi một mình và trên đường đi, họ tán chuyện, hứa hẹn với các cô gái sẽ cho họ một công việc tốt hoặc một người chồng tốt trước khi bị bán. Trên đường đến Nam Định, một cô gái 15 tuổi gặp một người đàn ông Trung Quốc rủ rê cô đi Hải Phòng và thậm chí trả tiền cho chuyến đi. Một khi đến nơi, không biết phải làm gì, cô đi đến chợ nơi cô gặp một người phụ nữ Việt Nam hỏi cô và hứa cho cô việc làm. Sau đó, bà ta đưa cô ấy đến xin người đàn ông Trung Quốc giúp đỡ, bằng một chiếc thuyền nhỏ, bí mật đưa cô gái cập bến Hồng Kông.⁽⁴⁸⁾

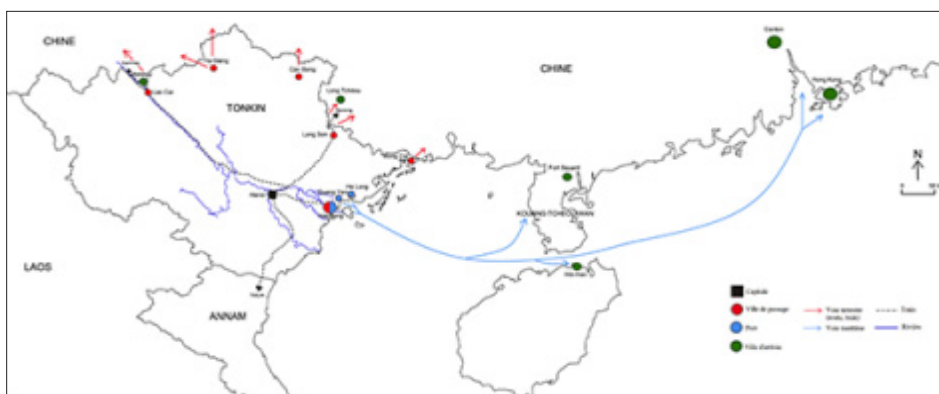
Hành vi xấu xa này cũng cho thấy hình thức tổ chức lưu động đặc biệt “bởi qua một tổ chức trung gian, họ chỉ trao đổi sơ bộ khi có cơ hội đến” (Henriot 1997: 191). Các cô gái mại dâm chuyển tay nhau hình ảnh của Nguyễn Thị Mùi, người gốc gần Hà Nội, bị mắc lừa bởi những lời hứa tốt đẹp “của một phụ nữ Việt Nam đưa cô đến Lào Cai, bán cô cho một người Trung Quốc, rồi trên đường đi lại bán cô cho người Trung Quốc khác ở Xin Tien, Trung Quốc”.⁽⁴⁹⁾ Người ta không ngăn chặn được bọn buôn người chuyên nghiệp hoặc mạng lưới buôn người nhỏ lẻ này: vào năm 1910, một người phụ nữ Việt Nam làm đầy tớ cho một cặp vợ chồng người Trung Quốc đã đệ đơn khiếu nại ông chủ của bà ta, yêu cầu ông tìm kiếm những cô hầu gái trẻ khác ở quê, gửi chúng đến Trung Quốc để thay thế cho bà ta.

Bà ta nói với cảnh sát rằng họ thường xuyên mua phụ nữ Việt Nam, đưa chúng đến Hồng Kông, nơi đó họ bán chúng cho nhà thổ. Trong vòng sáu tháng, họ đã thực hiện bốn lượt gọi các cô gái trẻ đến Trung Quốc.

Những nhà chứa gái mại dâm ở châu Âu cũng là những người chuyên nghiệp, nhưng thiếu nguồn. Nếu chúng ta lấy ví dụ về Netta Fass đã được đề cập ở trên, có thể nhìn thấy sự tồn tại của mạng lưới mafia, chúng xoay gái mại dâm theo hướng kinh doanh của chúng và sẵn sàng trao cho họ phương tiện đi lại là giấy tờ giả mạo. Điều tương tự cũng có thể được thực hiện cho các mạng lưới Nhật Bản, trong trường hợp này, bọn buôn người chuyên nghiệp và nhà chứa lấy gái đều có nhu cầu. Mạng lưới của Nhật Bản được tổ chức tốt và họ vượt biên giới. Người chồng của một tú bà Nhật Bản ở Hà Nội thường xuyên đến Hồng Kông để tìm khách cho các nhà thổ của vợ mình, tại Hà Nội, Việt Trì, Yên Bái và Quảng Châu Loan. Ngôi nhà ở Hà Nội có vẻ như là cơ sở chính vì bà thường xuyên đón các tour du lịch Nhật Bản đến từ Hồng Kông, chỉ cần thời gian để đưa hàng Nhật Bản đến - người Nhật mới hoặc cho khách trọ đang lưu trú.

Điểm đến chính của việc buôn người ở Bắc Kỳ là Trung Quốc, vì nó gần biên giới.⁽⁵²⁾ Phụ nữ và trẻ em Việt Nam lại tìm thấy nhau ở nam Trung Quốc, Hokéou [Hà Khẩu], Long Chou [Longzhou], Packhoi [Beihai], Fort Bayard [Trạm Giang], Hoi-Hảo [nay là thành phố Haikou], Canton [Quảng Châu] hoặc Hồng Kông (Tracol-Huynh 2013: 412). Sự lưu động này vượt ra ngoài khu vực biên giới và tất cả các cơ quan chức năng của Bắc Kỳ đều không thể chối bỏ trách nhiệm. Tháng 9 năm 1906, Hải quân Hải Phòng đã tìm thấy khoảng 60 trẻ em trên tàu bị gọi đến Bắc Hải hoặc Hồng Kông.⁽⁵³⁾ Bảy người trong số họ, lớn tuổi, được phỏng vấn, trong số đó họ xuất xứ từ các tỉnh thành: Có hai đến từ tỉnh Thái Bình, hai đến từ Nam Định, Hải Dương, một đến từ Hà Nội và một đến từ Hà Nam, cũng như nhiều tỉnh nằm trong vùng phía nam Bắc Kỳ, và do đó, cách xa khu vực biên giới.⁽⁵⁴⁾ Các tuyến đường sang Trung Quốc rất nhiều, và theo nghiên cứu của André Baudrit trích dẫn: một con đường từ Đông Triều ở miền bắc Hải Phòng, Lạng Sơn lên qua Bắc Giang, một băng qua biên giới vào Móng Cái và cuối cùng, đường biển, từ bờ biển giữa Hải Phòng, Quảng Yên và Móng Cái, qua vịnh Hạ Long bao gồm các đảo, đặc biệt đảo Cát Bà mà các hang động được sử dụng như nhà giam bí mật, có con đường dẫn đến bán đảo Trung Quốc Lôi Châu [Leizhou] hoặc đảo Hải Nam (Baudrit et al., 2009: 113-115). Danh sách trích dẫn này bỏ qua các tuyến giao thông quan trọng khác, bao gồm các con đường dẫn đến Lào Cai hoặc các tuyến đường qua tỉnh biên giới Hà Giang.⁽⁵⁵⁾

Hải Phòng là nơi quay đầu của các tuyến, cả đường thủy lẫn đường bộ. Có nhiều trường hợp bị bắt cóc hoặc bị bắt đưa đến Hải Phòng và sau đó được vận chuyển bằng đường biển, đường sông, đường sắt hoặc đường bộ. Tất cả các phương



Hình 8: Các tuyến buôn bán chính từ Bắc Kỳ đến Trung Quốc.

Nguồn và tư liệu bổ sung: (Tracol-Huynh 2013: 413).

tiện vận tải được sử dụng, tùy thuộc vào tuyến đường đã chọn và cơ quan có thẩm quyền thực hiện nhiệm vụ canh giữ.

Từ những năm 1880, các nhà chức trách thực dân đã lo ngại về nạn buôn người này, điều mà họ cho là có quan hệ mật thiết với mại dâm.⁽⁵⁶⁾ Ngay từ năm 1887, Giám đốc Hải quan đã lưu ý sự quan tâm của ngài Tổng trú sứ Bắc Kỳ và Trung Kỳ về tình hình phụ nữ Việt Nam bị bán sang Trung Quốc cho các nhà chứa; năm 1891, Thống sứ Bắc Kỳ đã gửi một thông tư cho tất cả công sứ các tỉnh để thận trọng hơn khi cấp hộ chiếu cho người Trung Quốc đi kèm với trẻ em bởi vì “quá nhiều đứa trẻ này thường là những bé gái người Trung Kỳ bị gởi đến nhà thổ”.⁽⁵⁷⁾ Vào đầu những năm 1940, André Baudrit viết, cũng có mối liên quan tương tự giữa nạn buôn người và mại dâm:

[...] các mục tiêu của việc chiếm hữu con người ở Trung Quốc và ở Trung Kỳ đều làm [...] nô lệ, một loại nô lệ có sự biến thể: mại dâm. Đó là động lực cuối cùng mà mọi tổ chức đều mở rộng mạng lưới tìm phụ nữ và trẻ em ở Bắc Kỳ, bắc Trung Kỳ, và là tỷ lệ nhỏ phần còn lại đáp ứng nhu cầu của Đông Dương. (Baudrit et al., 2009: 104).

Nạn bắt cóc và buôn người xung đột trực tiếp với các nguyên tắc của sứ mệnh văn minh mà Pháp dự định thực hiện tại các thuộc địa.⁽⁵⁸⁾ Trên hết là vấn đề chính trị, ở hai cấp độ: một mặt sự tồn tại việc buôn người này mâu thuẫn với sự kiểm soát của chính quyền Pháp trên lãnh thổ và dân số mà Pháp đang thống trị, mặt khác, nước Pháp có thể trở thành mục tiêu cho người Việt Nam lên án.⁽⁵⁹⁾ Tuy nhiên, cuộc chiến chống buôn người đã gặp phải một số vấn đề, thứ nhất là thiếu nguồn nhân lực và tài chính để kiểm soát đường biên giới, đường bộ và đường biển. Vấn đề thứ hai là luật pháp, bởi vì trong một thời gian dài, các tòa án Pháp không thể phán quyết những hành vi phạm tội này bên ngoài các thành phố Hà Nội và Hải Phòng, các đô thị của Pháp, và cả những hành vi phạm tội bị phán xử

của tòa án Pháp chứ không phải của riêng các tòa án địa phương. Sau đó, tình hình không đơn giản bởi vì bộ luật hình sự áp dụng đối với người Việt Nam rất khó để chứng minh được rằng họ bị bắt cóc, lừa gạt hoặc bị cưỡng ép, trẻ em bị bán như nô lệ. Tuy nhiên, theo Thống sứ Bắc Kỳ, chế độ nô lệ ở châu Âu không tồn tại ở Trung Quốc. Giải pháp mà ông đề xuất là nói về trẻ em “bị bán dưới dạng nô lệ, mà vấn đề này có thể mở ra những cuộc thảo luận”. Phải làm gì nếu trẻ được nhận làm con nuôi? Và phải làm gì trong trường hợp đối với người lớn? Không có biện pháp rắn đe nào được thực hiện và không có tổ chức nào dường như đã được thành lập để chống lại nạn buôn người. Các giải pháp bao gồm giám sát qua các tuyến truyền thông, chú ý đến vấn đề hộ chiếu hoặc chăm sóc phụ nữ Việt Nam yêu cầu chính quyền giúp đỡ khi họ thoát khỏi nhà chứa nơi mà họ bị bán. Do đó, cuộc chiến chống buôn người phải đặt mục tiêu chống bọn buôn người quốc tế, tại điểm đến của Trung Quốc, và xóa bỏ lộ trình nội tuyến ở Bắc Kỳ.

Khả năng gia tăng sự lưu động nội tuyến

Hình thức lưu động nội bộ được hình thành từ hai con đường: Một là hiện tượng đưa các cô gái đến nhà thổ, thứ hai là hiện tượng được hình thành bởi gái mại dâm đến từ nhiều vùng miền và tùy thuộc vào cơ hội. Hiện tượng đầu tiên là rất giống với nạn buôn người quốc tế, nhưng có sự khác biệt là người Trung Quốc không trực tiếp tham gia vào đường dây này. Đây là một đường dây của người Việt Nam sử dụng các thủ đoạn tương tự như nạn buôn bán phụ nữ, thường là người cao tuổi, đến chợ quê bằng thuyền nan để tìm những cô gái trẻ. Công việc cuối cùng là đưa các cô gái đến nhà thổ. Thực tế, theo hồ sơ lưu trữ về các cô gái thực sự bị di chuyển, thường là họ tự nguyện, từ nông thôn đến thành phố hoặc từ thành phố này sang thành phố khác với hy vọng tình hình tốt hơn.⁽⁶¹⁾ Tính lưu động này có thể được nhận định theo nguồn gốc địa lý của gái mại dâm định cư ở một số thành phố:

Bảng 1: Nguồn gốc địa lý của một số gái mại dâm ở Việt Trì vào năm 1911⁽⁶²⁾

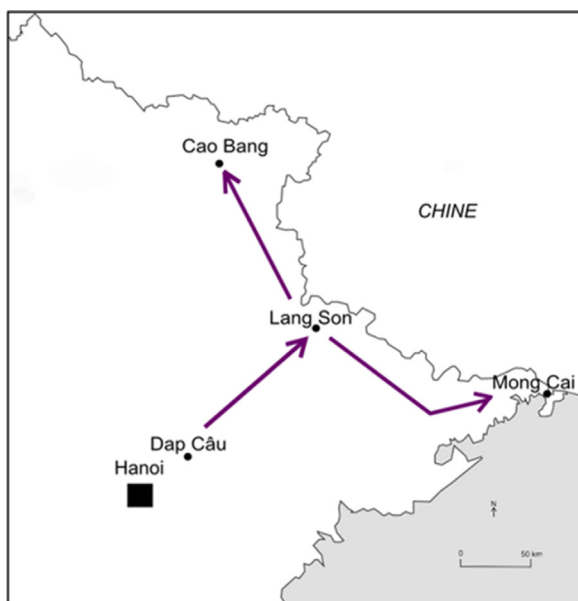
Quê quán	Số lượng gái mại dâm	Khoảng cách từ Việt Trì (km)
Sơn Tây	1	55
Hà Đông	2	60
Hưng Yên	1	110
Nam Định	1	140
Ninh Bình	1	170

Bảng 2: Nguồn gốc của 30 gái mại dâm lên lút bị cấm hoạt động ở Hà Nội ngày 13 và 14 tháng 2 năm 1914⁽⁶³⁾

Quê quán	Số lượng gái mại dâm	Khoảng cách từ Hà Nội (km)
(1)	(2)	(3)
Hà Nội	7 trong đó có 3 đến từ thành phố	15
Hà Đông	9	40

(1)	(2)	(3)
Hung Yên	2	60
Phủ Lý	1	75
Hà Nam	1	105
Nam Định	5	105
Hải Phòng	2 trong đó có 1 đến từ thành phố	110
Kiến An	1	
Thái Bình	2	

Trong cả hai trường hợp, địa bàn buôn người rất rộng, đặc biệt đối với Việt Trì. Theo tài liệu của Alain Corbin thực hiện: các thành phố lớn có phạm vi buôn người rộng hơn các thị trấn vừa và nhỏ do đó nó rất đáng chú ý (Corbin 1978: 75). Việt Trì chắc chắn là một thị trấn nhỏ, nhưng nó là một trung tâm quân sự rất quan trọng, vì vậy nó trở thành điểm đến cho sự lựa chọn của gái mại dâm. Điều hiển nhiên chắc chắn rằng gái mại dâm thường là người nơi khác đến thành phố hoạt động: khoảng trên ba mươi gái mại dâm bị bắt tại Hà Nội, chỉ có ba người có nguồn gốc ở thành phố này, và một nửa đến từ các tỉnh tương đối xa. Phụ nữ gốc từ Hải Phòng đến Hà Nội làm gái và ngược lại, “gái điếm hầu như luôn luôn bỏ làng bỏ họ ra đi, [điều này thể hiện] qua ước muốn của các cô gái mà họ thường giấu thân phận” (ibid., 76-77).⁽⁶⁴⁾



Hình 9: Gái mại dâm quay trở lại những vị trí quân sự vào năm 1937. Nguồn: Tác giả lập sơ đồ.

trục xuất gái mại dâm mắc bệnh là “bất hợp pháp”. Khi bị bắt bớ hoặc xua đuổi, họ phải đi đến một tỉnh khác. Họ mắc bệnh cũng có thể xuất phát từ bản thân họ tránh đến phòng khám, và vào năm 1907, Sở Y tế khuyến cáo các biện pháp để ngăn chặn

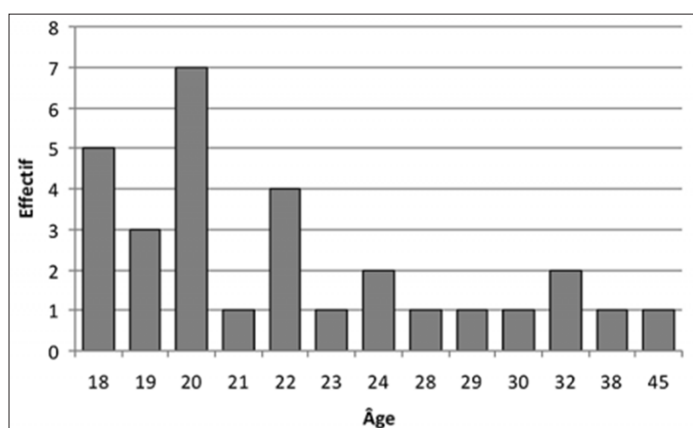
Hiện tượng thứ hai là “những cô gái giang hồ - họ đi từ nơi này đến nơi khác để bán dâm, một trong số họ có thể dừng lại vài ngày, hiếm khi là một tuần, họ trở thành người phạm pháp và họ lại tiếp tục lối cũ, trước khi họ được thông báo và sẽ bị chất vắn” (Abadie-Bayro 1915: 34). Các cơ quan chức năng của Việt Trì, cũng giống như Nam Định, thường xuyên than phiền về những “hành vi đi lại thường xuyên” của gái mại dâm từ các tỉnh khác.⁽⁶⁵⁾ Tính lưu động của gái mại dâm có một số giải thích. Trước tiên họ có thể bị ép buộc, các cơ quan chức năng đã có một thời gian dài để

những gái mại dâm phải rời khỏi địa bàn tỉnh để đi đến một tỉnh khác.⁽⁶⁷⁾ Phần lớn gái mại dâm không muốn chấp hành quy định, họ chạy trốn ngay khi họ cảm thấy có giám sát hoặc quy định mới được đưa ra.

Cuối cùng, sự lưu động có thể là tự nguyện, với gái mại dâm đến từ các thành phố nơi có nhiều cơ hội hơn. Những cơ hội này có thể có nhiều khách hàng quan trọng hoặc giàu có hơn: Tiến sĩ Martial, bác sĩ quân y tại Lạng Sơn, mô tả là “gái mại dâm lên lút sống trôi nổi, ở nhiều vị trí bí mật, từ các đồn binh Đáp Cầu đến Lạng Sơn, họ xuất phát từ đồn binh Cao-Bang và Moncay. [...] Rất dễ hiểu, họ vượt qua mạng lưới giám sát, khi họ cảm thấy thành phố đang chuẩn bị bắt bớ và rời khỏi đó trước khi họ trở thành nạn nhân, họ có thời gian để thông báo cho nhau” (Martial 1937: 468).

Đây là hình thức lưu động có lẽ là tự nguyện, nhưng nó cũng có thể được khởi xướng bởi các tay chủ chứa, ai cũng muốn gia tăng lượng khách hoặc bằng cách đưa các cô gái quay trở lại các nhà thổ mà họ sở hữu, hoặc bằng cách họ trao đổi gái mại dâm.⁽⁶⁸⁾

Nghèo đói và lòng tự trọng của những người trong cuộc



Hình 10: Độ tuổi 30 gái mại dâm lên lút bị bắt tại Hà Nội vào ngày 13 và 14 tháng 2 năm 1914.⁽⁷³⁾

Nếu gái mại dâm bị chuyển đến Bắc Kỳ hoặc ra nước ngoài, là để tìm một hoàn cảnh tốt hơn. Theo Tiến sĩ Joyeux, gái mại dâm không có lòng tự trọng vì họ chấp nhận hành nghề để thoát khỏi nghèo đói và khốn khổ và bởi “sự căm dỗ hư danh và xa hoa, biếng nhác và dâm dăng”, họ trở thành gái mại dâm, vì họ là người nghèo (Happy 1935: 337, Vũ Trọng Phụng 2001).⁽⁶⁹⁾ Phạm Thị Hải, cô gái điếm bất hợp pháp, ở độ tuổi 18 tại Hải Phòng, đã thú nhận với cảnh sát rằng cô bán dâm kể từ hai tuần nay “để có thể sống”, còn gái mại dâm Nhật ở Bắc Kỳ chủ yếu đến từ các tỉnh nghèo ở phía nam quần đảo (Nhật Bản).⁽⁷⁰⁾ Đối với Henri Virgitti, Đốc lý Hà Nội vào năm 1930, gái mại dâm đến từ làng quê hoặc “xuất thân từ các tầng lớp thấp hèn”, ví dụ, gái mại dâm bất hợp pháp bị cảnh sát kiểm tục bắt tại Hải Phòng, họ được ví von như những món hàng, hương đồng gió nội hoặc kẻ vô công rồi nghề.⁽⁷¹⁾ Sự tổn hại kinh tế ngày càng gia tăng đối với các cô gái trẻ: những trường hợp điển hình được đề cập trong chương này liên quan đến trẻ em dưới 20 tuổi, nhiều em thậm chí còn dưới 15 tuổi.⁽⁷²⁾ Các nhà chứa tìm kiếm mọi phụ nữ trẻ để thu hút khách hàng.

Sự non trẻ đã biến họ thành “nạn nhân vì sự thiếu hiểu biết và ngây thơ”, cộng với nghèo đói, điều này được giải thích đối với nhiều cô gái đi theo những người không quen biết mà họ gặp trên đường đi rồi những người này hứa với họ sẽ có tình trạng tốt hay sẽ lấy được tấm chồng xứng đáng (Charbonnier 1936: 23). Những lời hứa giả tạo là cách gạ gẫm hiệu quả nhất trong việc buôn người quốc tế và xuyên quốc gia.⁽⁷⁴⁾ Khi bước vào nghề mại dâm là chấp nhận sự lựa chọn cố ý và giấu kín: nếu xuất phát điểm của gái lưu động là cố ý, rồi chuyển sang mại dâm bán chuyên nghiệp. Họ đến thành phố, họ không có ý thức về gia đình hoặc bà con họ hàng có thể giúp đỡ họ và vì vậy họ khó tìm việc làm, điều này “dễ dàng làm con mồi” cho bọn buôn người / giới buôn người (Virgitti 1938: 60). Trong báo cáo của mình, T. T. đề cập những khó khăn của các cô gái trẻ nông thôn tìm việc ở thành phố (N. T. 1936):

Không có một đồng xu trong tay, chỉ với vài bộ quần áo duy nhất mà tôi mang theo bên mình, tôi lang thang đến thành phố ... Và đây là tôi! [...] Bạn muốn tôi làm gì? Bạn sẽ nói rằng tôi không có nghề nghiệp? Vậy tôi có thể làm thuê như culi, như công nhân trong một số nhà máy? Thật khéo nói. Để có một công việc, bạn phải có kiến thức hoặc tiền bạc. Người ta không nhận người học việc. Tôi chỉ là một cô gái nông thôn, không học vấn, không mọi thứ. [...] bởi rủi may tình cờ, tôi đã gặp, tại phố J.D., một phụ nữ làm nghề buôn bán đang tìm những người hầu gái. [...] Vì vậy, tôi chấp nhận. Tôi được vào một ngôi nhà và ông chủ của tôi đơn giản chỉ là một ông chủ.

Thường những cô gái bị ép buộc phải làm gái điếm, đôi khi đó cũng là hình thức bạo lực. Cô Thi Nhan, 15 tuổi, đến Hải Phòng để tìm chỗ giúp việc cùng với người chị. Cả hai đi chợ, nơi có nhiều người hầu và họ gặp một bà môi giới, bà ta gửi họ đến nhà chăm sóc trẻ em. Cả hai đều bị các ông chủ buộc phải làm gái mại dâm. Khi Thi Nhan từ chối, bà chủ đánh em bằng roi mây, còn ông chủ thì lẳng nhục em Nhan. Vì những lời đe dọa của các ông chủ, Nhan có một mối quan hệ với khách hàng, rồi đi theo anh ta.⁽⁷⁵⁾ Mặc dù nạn bạo hành vẫn tồn tại, song có vẻ như hầu hết gái mại dâm bị ép buộc trong mọi hoàn cảnh - cụ thể là vì nghèo - hoặc vì một người xa lạ, mà đó là chủ các nhà chứa nơi các cô gái trẻ bị lừa gạt, đặc biệt là con của những gia đình lương thiện.⁽⁷⁶⁾ Một số hồ sơ lưu trữ đã đề cập những trường hợp làm gái mại dâm để giúp đỡ gia đình, những cô gái này có một động lực mạnh mẽ để làm như vậy: khi Nguyễn Thị Su 17 tuổi, mẹ và cha dượng của em nói với em rằng “phải đi làm đi để tự nuôi mình” và em phải đưa về cho mẹ và cha dượng một nửa số tiền mà ông chủ trả cho em.

Sự nghèo khổ đã đưa đẩy một số gia đình phải bán con cái của họ, đôi khi bán trực tiếp đến nhà thổ:⁽⁷⁷⁾ một bé gái bốn tuổi, bị mẹ bán 5 đô la (\$) cho một tú bà ở Hải Phòng vào năm 1909; một cô gái bị cha mẹ nuôi bán cô với giá 3 đô la cho một tú bà ở Việt Trì; một người đàn ông vay mượn \$ 20 của một tú bà là người quen

của ông ở Hải Phòng, rồi để lại cho con gái mình một tờ cam kết.⁽⁷⁸⁾ Theo pháp luật Việt Nam, bộ luật Gia Long, cấm bán và cầm cố vợ con, tuy nhiên hành động này dường như phổ biến, đặc biệt là ở thời kỳ đói kém.⁽⁷⁹⁾ Có vẻ như một số người dân không ngần ngại khi kể lại trước các cơ quan chức năng thuộc địa:

Bắt cóc là trường hợp rất hiếm; nhưng trái lại việc bán trẻ em, được thực hiện ở Đông Dương từ thời xa xưa và có nguyên nhân gốc rễ là vì họ nghèo đói, nên họ gặp phải những cảnh ngộ đáng tiếc. Một ngày nọ, tại phiên tòa xét xử, một cụ già nghèo ở Trung Kỳ bị kết án theo điều tra của Quan thuế và Cục Quản lý đã bị phạt 500 franc vì tội nấu rượu lậu, ông đã xin tòa án cho gia hạn... để bán đứa con của mình mới có đủ tiền nộp phạt. Thật không may, chúng tôi gần như bắt lực khi ngăn chặn tình trạng như vậy.⁽⁸⁰⁾

Nếu nghèo khổ là nguyên nhân lưu động gái mại dâm, họ tự nguyện hay bắt buộc bán dâm, thì cũng không chắc chắn rằng tình trạng của họ sẽ được cải thiện khi họ dần thân vào thế giới mại dâm này bởi theo các bài báo của Trọng Lang, Việt Sinh và Vũ Trọng Phụng về nạn mại dâm ở Hà Nội những năm 1930 cho thấy thế giới mại dâm là một thế giới khốn nạn. Họ chọn cách để giúp đỡ gia đình, trả hiếu nghĩa - giống như gương hy sinh của Thúy Kiều, nhân vật chính của văn học Việt Nam - nhiều phụ nữ từ bỏ mọi thứ để lại quê nhà, nơi mà họ luôn được curu mang, để dần thân vào thế giới mại dâm, bị bóc lột kinh tế và đầy bạo lực, do đó thường rất khó thoát ra (Lainez 2015).

Kết luận

Gái mại dâm hầu hết hoạt động ngoài hệ thống quản lý của nhà nước. Họ chỉ hoạt động lén lút trong bóng tối trên một phạm vi rộng ngoài tầm kiểm soát, thiếu sự chăm sóc y tế chuyên sâu, thiếu sự quan tâm quản lý của các nhà chức trách, đây là lý giải cho sự bất lực của chính quyền trong việc cung cấp thông tin thống kê đầy đủ về tình trạng mại dâm, và đây cũng là những khía cạnh được phân tích trong bài báo này. Những khía cạnh này cũng bắt nguồn từ thực tế là gái mại dâm, mặc dù có những đặc điểm chung, nhưng không tạo ra sự đồng nhất: phải chăng họ có nét khái quát giống nhau là: nghèo đói, đáng thương. Việc thiếu thông tin không thể vẽ hết được chân dung của gái mại dâm, chỉ có thể phác thảo được vài nét từ những nguồn tài liệu lưu trữ thiếu thốn. Hoạt động di trú của gái mại dâm vẫn được nhìn nhận là hậu quả của nạn buôn người mà trên thực tế rất khó ngăn chặn do vai trò thụ động của nạn nhân. Quan điểm này không sai, nhưng nó quá cứng nhắc bởi vì không phải tất cả gái mại dâm đều do cha mẹ hoặc người lạ bán. Tính lưu động của gái mại dâm có thể là tự nguyện, chứ không phải lúc nào cũng bị ép buộc vào con đường này; hình thức ép buộc mại dâm đã cho phép đặt ra vấn đề rằng gái mại dâm “bị cưỡng bức phải nộp tô” dưới nhiều hình thức cho cha mẹ họ, cho bọn buôn người hoặc cho giới bảo kê cũng như cho các nhà chức trách.

P Đ N dịch

CHÚ THÍCH

- (1) Tonkin là miền Bắc Việt Nam hiện nay.
- (2) Hệ thống quy định dựa trên việc gài mại dâm đăng ký với cảnh sát kiểm tục và khám bệnh tại nhà thương lớn thành phố. Cụ thể, Bắc Kỳ thuộc chế độ bảo hộ của Pháp vào năm 1885, và ngay từ đầu năm 1886, quyết định được thực hiện ở Hải Phòng và rồi sau đó tại Hà Nội năm 1888.
- (3) Tòa Đốc lý Hà Nội [MH], S03, tệp tin 5769, Cục Lưu trữ Quốc gia Việt Nam, Trung tâm Lưu trữ số 1 [ANV1], Hà Nội.
- (4) Kho tư liệu Tòa Khâm sứ Bắc Kỳ [RSTNF], tệp tin 03856, Cục Lưu trữ Quốc gia Hải ngoại [ANOM], Aix-en-Provence.
- (5) Hà Nội và Hải Phòng, là những thành phố lưu trữ tốt nhất, đặc biệt là vào những năm 1930. Trong những năm đó, mại dâm trở thành một vấn đề xã hội và nhiều báo cáo đề tài được thực hiện bởi Tiến sĩ Joyeux, người quản lý Nhà thương lớn Hà Nội và nhiều phóng sự của các nhà báo Việt Nam như Vũ Trọng Phụng, Việt Sinh hay Trọng Lang. Tất cả những nguồn tư liệu vừa nêu cũng đã được sử dụng cho bài báo này. Vào những năm 1930, xem *Tracol-Huynh* (2013: 313-383).
- (6) Bài viết này đề cập nạn mại dâm ở Bắc Kỳ trong bối cảnh rộng lớn của khu vực Đông Nam Á, về gài mại dâm Việt Nam bài viết chỉ nêu vài nét giản lược, dù họ chiếm phần lớn thế giới mại dâm Bắc Kỳ. Để nghiên cứu về gài mại dâm Việt Nam ở Bắc Kỳ, xin tham khảo *Tracol-Huynh* (2013).
- (7) Về vấn đề phụ nữ Trung Quốc bị bán ở Bắc Kỳ, ngài Toàn quyền viết: "[...] chúng tôi thất bại trong sứ mệnh truyền bá văn minh, bằng mọi nỗ lực để tránh không tái phát và kết thúc bằng cách kiểm soát hoạt động thương mại hóa nạn buôn người đáng ghê tởm", *Toàn quyền Đông Dương* [GGI], F621, tệp tin 20596, ANOM.
- (8) MH D638, tệp tin 2583, ANV1.
- (9) MH S03, tệp tin 5755 và 5757, ANV1.
- (10) MH D603, tệp tin 2518, ANV1.
- (11) "Mại dâm châu Âu hợp pháp hầu như không tồn tại ở Hà Nội, trong khi nó tồn tại tương đối nhiều ở Sài Gòn, bởi có khoảng 150 phụ nữ đăng ký" (Charbonnier 1936: 12).
- (12) Liên quan đến Đông Dương, nghiên cứu này là tương đối đáng tin cậy vì nó dựa trên các bài báo in trong tạp chí của Hội Phẫu thuật Y tế Đông Dương (Bulletin de la Société Medico-Chirurgicale de l'Indochine - BSMCI) và trên cuộc điều tra được thực hiện bởi Hội Quốc Liên (SDN 1932) về nạn buôn người ở Viễn Đông. Hơn nữa, thông tin về Đông Dương, phần lớn được kiểm tra chéo bởi những lưu trữ viên trong Nha Lưu trữ.
- (13) Cô làm việc tại một khách sạn ở Hà Nội, sau đó ở trong một nhà hàng, tại khách sạn Splendid, nơi cô tiếp khách trong một phòng phụ của khách sạn và cuối cùng là một nơi hút thuốc phiện và cô cũng quản lý một khách sạn ở Lạng Sơn; MH D603, tệp tin 2518, ANV1. Cô đã bị dụ dỗ bởi Hélène Georges, một gái mại dâm đã hết thời, dẫn thân vào thế giới mại dâm, kể từ khi thuê nhà ở tầng trệt của một cô gái Việt Nam; MH D603, tệp tin 2517 và 2518, ANV1.
- (14) GGI, F725, tệp tin 65568, ANOM. Netta Fass tên thật là Nacha Kwasniewska và có quốc tịch Ba Lan.

- (15) Theo Marc Fraissinet, có 25 gái mại dâm người Pháp ở Sài Gòn vào những năm 1930 (Fraissinet 1935: 18). Số gái mại dâm châu Âu ở Hà Nội nhiều nhất vào năm 1910 là 6 người (2 người Nga, 1 người Áo và 3 người Ý); MH, D638, tập tin 2583 ANV1. Các báo cáo khác chỉ thống kê được một hoặc hai gái mại dâm ở châu Âu. Con số nhỏ này một mặt cho thấy họ rất ít người, và mặt khác, do sự vô cảm của chính quyền khi đề cập đến mại dâm châu Âu trong các báo cáo.
- (16) Karayuki-san có nghĩa đen là "người đến Trung Quốc". Ý nghĩa này đã dần dần phổ biến để chỉ những phụ nữ trẻ ra nước ngoài làm gái mại dâm, theo phóng viên nước ngoài ở khu vực Thái Bình Dương và đặc biệt là Đông Nam Á.
- (17) Năm 1925, có 2.484 gái mại dâm người Nhật ở Malaysia và Singapore, 1.565 người ở Philippines và 1.368 người ở Indonesia (Roustan 2001: 92).
- (18) Số liệu đưa ra trong các nguồn tư liệu chưa phản ánh đúng con số thực bởi vì họ lén lút nhập cư.
- (19) Biểu đồ do tác giả vẽ từ một số tập tin được giám định tại kho lưu trữ (Tracol-Huỳnh 2013: 391).
- (20) RSTNF, tập tin 02115, ANOM. Số người Nhật Bản ở Đông Dương đa phần là nữ: năm 1910, trong tổng số người Nhật Bản đến Đông Dương, có 76% phụ nữ tuổi từ 15 đến 30, con số này vào năm 1915 là 81%. Sau đó, tỷ lệ giới tính có xu hướng cân bằng, nhưng phụ nữ vẫn chiếm 55% vào năm 1925 (Roustan 2001: 27).
- (21) Thông tin tìm thấy trong các tài liệu lưu trữ được bổ sung từ các dữ liệu do Frédéric Roustan biên soạn, đã góp thêm nguồn tư liệu cho các thành phố Hà Giang, Sơn Tây, Hòn Gai và trước đó một số thành phố không được đề cập trong các tài liệu về tình trạng mại dâm và các bệnh hoa liễu.
- (22) Một hồ sơ thống kê gồm có 15 gái mại dâm người Nhật, trong đó có 10 người đến từ đảo Kyushu (quận Nagasaki, Kumamoto và Amakusa, quận đặc biệt nghèo); RSTNF, tập tin 02115, ANOM.
- (23) GGI, D638, tập tin 21543, ANOM.
- (24) Xem lại GGI, D638, tập tin 6706, ANOM.
- (25) Cũng tương tự như việc bãi bỏ chế độ nô lệ từng diễn ra một cách mạnh mẽ tại Singapore từ năm 1909 - 1913, trước khi có quyết định của hoàng gia (Nhật Bản) cấm mại dâm ở nước ngoài và cấm nhắc đến quyết định ban hành năm 1921 về gái mại dâm (Warren 2003: 159-162).
- (26) Chính quyền Nam Kỳ [GouCoch], VIA.8, tập tin 286 (19), Trung tâm Lưu trữ Quốc gia Việt Nam số 2 [ANV2], Thành phố Hồ Chí Minh.
- (27) Khi Singapore có từ 2.000 đến 3.000 gái mại dâm người Nhật vào đầu thế kỷ, rồi giảm còn 1.500 người vào năm 1915, thì Hà Nội có tối đa 30 gái mại dâm (Warren 2003: 85-87).
- (28) Bộ sưu tập cá nhân của Frédéric Roustan, đó chính là bộ sưu tập mà tôi muốn cảm ơn.
- (29) Các báo cáo của phòng khám phụ khoa được chi tiết hóa từ năm 1913. Còn những năm trước đó, rất khó để có được thông tin.
- (30) MH, S03, tập tin 5769, ANV1; MH, D638, tập tin 2595, ANV1.
- (31) Các tài liệu đương thời đề cập về các bang hội xác định cộng đồng người Hoa có mặt ở Bắc Kỳ. Thuật ngữ này không mang ranh giới tôn giáo và nhằm phân biệt nguồn gốc các vùng miền của người Hoa di cư.
- (32) Một trong số bưu thiếp rất hiếm về người Hoa có mặt ở Hải Phòng; Tôi sẽ cố gắng sưu tầm bưu thiếp về nhóm người này. Người phụ nữ áo trắng là người Trung Quốc. Thương nhân Trung Quốc có mặt rất đông ở đây. Bộ sưu tập cá nhân của tác giả.

- (33) RSTNF, tệp tin 02153, ANOM.
- (34) Các bang hội được tổ chức theo nguồn gốc quê quán của người Hoa nhập cư. Vì vậy có thể rất đông người đến cùng một thành phố.
- (35) Theo báo cáo của Hội Quốc Liên (SDN) (1932), họ gồm 45 người vào năm 1930. Các báo cáo của cảnh sát kiểm tục Hải Phòng được lưu giữ trong kho lưu trữ không khẳng định rõ con số này. Báo cáo của SDN còn khó tin cậy hơn, đặc biệt nó liên quan đến các số liệu đã nêu (Chaumont 2009).
- (36) RSTNF, tệp tin 02153, ANOM.
- (37) GouCoch, VIA.7, tệp tin 194 (11), ANV2.
- (38) Năm 1930, Tiến sĩ Joyeux viết rằng một số phụ nữ Trung Quốc "thường xuyên che giấu hoạt động mại dâm dưới hình thức: ca kỹ thường xuyên đến các nhà hàng lớn [...] nhưng họ khá đặc biệt chỉ dành riêng cho khách hàng Trung Quốc" (Joyeux 1930: 457). Nhất là ở Sài Gòn và Chợ Lớn.
- (39) Tòa Công sứ Nam Định [RND], D638, tệp tin 1208, ANV1.
- (40) RST, D638, tệp tin 1990, ANV1.
- (41) Tòa án Hải Phòng, THP, 1982, ANV1.
- (42) Đây là những thành phố duy nhất mà sự hiện diện của gái mại dâm Trung Quốc được đề cập trong tài liệu lưu trữ. Điều này khẳng định rằng họ không có mặt ở nơi nào khác.
- (43) RST, D605, tệp tin 33059, ANV1.
- (44) RSTNF, tệp tin 04015, ANOM. Đây là thành phố Dongxing của Trung Quốc.
- (45) Bằng chứng về sự quan tâm này, nó vẫn còn là ký hiệu liên quan đến nạn buôn người do nhà lưu trữ Paul Boudet thiết lập và phân loại cho các kho lưu trữ Đông Dương, cụ thể là ký hiệu F76.
- (46) Việc buôn người không chỉ liên quan đến Đông Dương mà còn cung cấp cho các nhà chứa ở Thượng Hải và Trung Quốc nói chung ở thế kỷ 19 (Henriot 1997: 187-223). Buôn người vẫn là một vấn đề thời sự nóng ở châu Á (đối với Việt Nam, Baudrit [2009: 100], Lessard [2009: 1-4]; và đối với Trung Quốc, Henriot [1997: 68-71], Grillot [2010: 134 -135]).
- (47) RST, F76, tệp tin 76594, ANV1.
- (48) RST, F76, tệp tin 55381, ANV1.
- (49) Xiaotian, đây có thể là một thị trấn nhỏ của Trung Quốc, được nêu rõ trong tài liệu lưu trữ. RST, F76, tệp tin 76594, ANV1.
- (50) THP, tệp tin 511, ANV1.
- (51) RST, tệp tin 7644, ANV1.
- (52) Các hồ sơ giám định đối với Nam Kỳ chứng minh rằng các đường dây buôn người đã đến Campuchia và Thái Lan.
- (53) Hồ sơ không chỉ rõ những trẻ em này bị đưa đi bán cho nhà thổ hay cho các tư gia để làm hầu gái.
- (54) RST, F76, tệp tin 55381, ANV1.
- (55) Xem, ví dụ, RST, F76, tệp tin 76594, ANV1.
- (56) Ngay cả ngày nay, phụ nữ Việt Nam bị bán sang Nam Trung Quốc phần lớn làm gái mại dâm (Grillot 2010: 136-137).

- (57) RST, F7, tệp tin 3384, ANV1; Công sứ Hà Đông [RHD], F76, tệp tin 2787, ANV1.
- (58) "Hoạt động buôn bán người thường đưa con người đến chỗ nô lệ và phụ nữ đến chỗ mại dâm" (Baudrit 2009: 140). Nhận định này càng trở nên thú vị hơn bởi vì chính quyền Pháp không theo chủ nghĩa bãi nô (abolitionniste) cũng như không có ý chống lại nạn mại dâm ở Đông Dương. Do đó, cuộc chiến chống buôn người được thực hiện dưới danh nghĩa cuộc chiến chống chế độ nô lệ.
- (59) Một nhân viên hải quan Hải Phòng, là người Việt Nam, viết cho người quản lý của mình rằng "người bản địa cáo buộc luật pháp của chúng ta về một tội quan hệ với Trung Quốc", mà chính việc này Tòa Khâm sứ Bắc Kỳ thổi phồng "Những vụ bắt cóc làm giảm đi uy tín của chúng ta và nó khắc sâu trong tinh thần của người An Nam rằng các nhà chức trách Pháp bắt lực để dẹp bỏ những vụ việc này"; RST, F76, tệp tin 76594, ANV1.
- (60) RST, F76, tệp tin 76594, ANV1.
- (61) Các báo cáo từ những năm 1930 thường đề cập đến nguồn gốc nông thôn của gái mại dâm Hà Nội (Trọng Lang 2000: 93 và 187).
- (62) Công sứ Phú Thọ [RPT], D638, tệp tin 103, ANV1. Khoảng cách giữa Việt Trì và thủ phủ của mỗi tỉnh, bằng đường bộ chứ không phải là đường chim bay.
- (63) MH, D638, tệp tin 2584, ANV1.
- (64) Bảng thống kê này cũng chính xác đối với gái mại dâm gian lậu, như thể hiện trong bảng về Hà Nội. Sự lưu động của gái mại dâm Việt Nam vẫn còn tính thời sự: theo Nicolas Lainez, một gái mại dâm Việt Nam hoạt động tại Singapore cho biết, vào năm 2007, cô ta hoạt động tại Việt Nam hoặc Singapore, nó đều giống nhau, nhưng "ở đây ít người biết đến bạn" (Lainez 2015). Thậm chí ngày nay, ở châu Âu, người ta đang tìm kiếm những người che giấu danh tính, đó là lý do đầu tiên về sự lưu động của gái mại dâm xuyên quốc gia (Cattan & Leroy 2013: 54).
- (65) RST, S2, tệp tin 74533, ANV1; RND, D638, tệp tin 1208, ANV1.
- (66) MH, D638, tệp tin 2587, ANV1.
- (67) GGI, tệp tin 4399, ANOM.
- (68) "Nếu sự lưu động là một thứ vũ khí được những cô gái sử dụng, đặc biệt là trong trường hợp (thường xuyên) bất đồng với những mẹ tú bà, thì sự lưu động cũng cần có mạng lưới, tổ chức lại bằng cách quay vòng và liên tục để có thể làm cho mối quan hệ trở nên "tươi mới" hơn ở nơi mà các cô gái muốn gắn bó để tạo nên danh tiếng. (Taraud 2003: 222).
- (69) Trong số những lời hứa gạ gẫm của các nhà thổ, chỉ có vấn đề tiền bạc được đề cập trong tài liệu lưu trữ. Đặc biệt, gạ gẫm kiếm một việc làm và một người chồng xứng đáng cho các cô gái trẻ.
- (70) THP, tệp tin 2532, ANV1. Về mối liên hệ giữa đói nghèo - mại dâm xem Việt Sinh (2000: 685-688); F. A. C. (1937); X. (1938).
- (71) Xem, ví dụ, THP, tệp tin 1831 hoặc tệp tin 2532, ANV1.
- (72) Đúng là các tệp tin được lưu trữ trong kho tư liệu THP bị bóp méo bởi vì các tệp tin này chỉ ghi chép trường hợp các nữ công nhân mỏ bị xúi giục rơi vào trụy lạc. Thực tế, họ đều dưới 18 tuổi. Ngược lại, những ví dụ trong các tệp tin RST 55381 và RST 76594 nói về vụ buôn người sang Trung Quốc, cho thấy rõ ràng là mua bán tuổi thanh xuân của các cô gái.
- (73) MH, D638, 2584 tệp tin ANV1.

- (74) Trong thời gian này ở Trung Quốc, bắt cóc là hoạt động cơ bản của mạng lưới buôn người cung cấp cho nhà thổ, theo các hồ sơ lưu trữ cho thấy rằng tình hình ở Bắc Kỳ đã khác biệt (Henriot 1997: 207). Các cô gái thường được đưa đến những ngôi nhà này theo những lời hứa giả tạo hơn là bị cưỡng ép hoặc bắt cóc. Đó cũng có thể là những vụ bắt cóc đã không để lại một dấu vết nào trong các tài liệu lưu trữ, liệu các nhà chức trách Pháp đã không liên quan gì đến các nạn nhân này?
- (75) 2345 tập tin ANV1.
- (76) Christian Henriot thực hiện bảng thống kê như vậy về một gái mại dâm bị cưỡng ép đến Thượng Hải (1997: 207-213). Tuy nhiên, vào năm 1908, chính người phụ nữ này đã bị bắt ba lần tại Hải Phòng, trong một vài tháng, trên một ghe bầu đến Trung Quốc; RST, F76, tệp tin 55381, ANV1. Phản ứng sau khi bị cưỡng ép vào con đường mại dâm cũng đã thay đổi: một số cô gái cố gắng để trốn thoát, những người khác chấp nhận ở lại. Đặng Thị Phụng, 17 tuổi, trở lại nhà chứa. Khi bị bắt tiếp khách, cô ta phản đối nhưng chủ chứa không cho phép cô trốn ra ngoài và bỏ nghề. Tuy nhiên, sau đó cô ta than phiền với cảnh sát - điều đó cho thấy cô ta có thể trốn ra ngoài và liên lạc với chính quyền chứ không phải cô ta bị cưỡng ép phải đi làm mại dâm, mặc dù bà chủ đã giữ tất cả tiền cho cô ta; THP, tệp tin 677, ANV1.
- (77) Trong các ví dụ liên quan đến nạn buôn người sang Trung Quốc, xem trong các tệp tin RST, F76, 5538 và 76594, ANV1. Thậm chí ngày nay, một số gia đình Việt Nam chấp nhận việc bán trình tiết con gái của mình để giải quyết khó khăn về kinh tế (Lainez 2012: 149-173).
- (78) THP, tệp tin 1134, ANV1; RPT, D638, tệp tin 102, ANV1; THP, tệp tin 677, ANV1.
- (79) Điều 95 của Bộ luật Gia Long nghiêm cấm việc bán và cầm cố vợ và con gái trong gia đình. Tuy nhiên hiện tượng phụ nữ trở thành vợ hoặc tình nhân của những kẻ khác, không ngoại trừ bán cho nhà chứa vẫn xảy ra (Philastre 1909).
- (80) RST, F76, 55.381 tập tin ANV1.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Abadie-Bayro, Dr., 1915, "Morbidity vénérienne des troupes européennes de l'Annam-Tonkin, moyens prophylactiques proposés", *Bulletin de la Société Médico-Chirurgicale de l'Indochine* [BSMCI]: 30-62.
2. Baudrit, André, Nicolas Lainez et Pierre Le Roux, 2009, *Bétail humain, la traite des femmes et des enfants en Indochine et en Chine du sud, suivi de onze documents sur l'esclavage, 1860-1940*, Paris: Connaissances et Savoirs.
3. Brocheux, Pierre & Daniel Hémerly, 1994, *Indochine, la colonisation ambiguë 1858-1954*, Paris: Éditions la Découverte.
4. Cattani, Nadine & Stéphane Leroy, 2013, *Atlas mondial des sexualités. Libertés, plaisirs et interdits*, Paris: Éditions Autrement.
5. Charbonnier, Dr., 1936, *Contribution à l'étude de la prophylaxie antivenérienne à Hanoi*, Paris: Jouve et Cie.
6. Chaumont, Jean-Michel, 2009, *Le Mythe de la traite des Blanches : enquête sur la fabrication d'un fléau*, Paris: la Découverte.
7. Corbin, Alain, 1991 "La mauvaise Éducation de la prostituée au XIX^e siècle" , in *Le Temps, le désir et l'horreur: essais sur le dix-neuvième siècle*, Paris, Aubier [1^{er} édition 1987], p. 107-115.

8. Corbin, Alain, 1978, *Les Filles de noce, misère sexuelle et prostitution aux XIX^e et XX^e siècles*, Paris: Aubier.
9. Dauphin, Antoine, 1989, "La Frontière sino-vietnamienne de 1895-1896 à nos jours", in *Les Frontières du Vietnam*, Pierre-Bernard Lafont, Paris: l'Harmattan, p. 104-117.
10. F.A.C., 1937, "Chanteuses ?", *Annam nouveau*, 13 juillet.
11. Fraissinet, Marc, 1935, *La Prostitution réglementée et la traite des femmes aux colonies françaises, protectorats et pays placés sous mandat* [4e rapport au 5e Congrès national contre l'immoralité publique], Cahors: imprimerie de Coueslant.
12. Grillot, Caroline, 2010, *Volées, envolées, convolées... Vendues, en fuite ou re-socialisées : les "fiancées" vietnamiennes en Chine*, Paris: Connaissances et savoirs.
13. Henriot, Christian, 1997, *Belles de Shanghai, Prostitution et sexualité en Chine aux XIX^e-XX^e siècles*, Paris: CNRS éditions.
14. Joyeux, Dr., 1930, "Le Péril vénérien et la prostitution à Hanoi", *BSMCI*: 453-675.
15. Joyeux, Dr., 1935, "Le Péril vénérien en Indochine", *Feuillets d'hygiène indochinoise*, Hanoi: imprimerie d'Extrême-Orient, p. 328-339.
16. Lainez, Nicolas, 2012, "Commodified Sexuality and Mother Daughter Power Dynamics in the Mekong Delta", *Journal of Vietnamese Studies*, 7, 1: 149-180.
17. Lainez, Nicolas, 2015, "Par-delà la traite des femmes vietnamiennes en Asie du Sud-Est. Anthropologie économique des carrières intimes", Thèse, EHESS.
18. Lessard, Micheline, 2009, "'Cet ignoble trafic': The Kidnapping and Sale of Vietnamese Women and Children in French Colonial Indochina, 1873-1935", *French Colonial History*, 10: 1-34.
19. Lessard, Micheline, 2015, *Human Trafficking in Colonial Vietnam*, New York : Routledge.
20. Limoncelli, Stephanie A., 2010, *The Politics of Trafficking. The First International Movement to Combat the Sexual Exploitation of Women*, Stanford : Stanford University Press.
21. Martial, Dr., 1937, "La Prophylaxie des maladies vénériennes dans une garnison du Tonkin (Langson)", *Annales de médecine et de pharmacie coloniales*, 35: 464-495.
22. Morel, Auguste, 1953, *Nguyen Thi-Ba, histoire d'une congai annamite*, Nancy: imprimerie de Berger-Levrault.
23. N.T., 1936, "Deux heures avec une "prostituée"", *Annam nouveau*, 15 mars.
24. Nolly, Émile, 1921, *La Barque annamite: roman de mœurs tonkinoises*, Paris : Calmann-Lévy.
25. Philastre, Paul-Louis-Félix, 1909, *Le Code annamite*, 2 volumes, Paris: Ernest Leroux éditeur.
26. Puech, Albert, 1935, *Requête au mandarin*, Paris: Gallimard.
27. Roustan, Frédéric, 2001, "'D'un Consulat à l'autre': Histoire de la communauté japonaise d'Indochine de 1897 à 1920", mémoire de maîtrise, Université de Provence.
28. Roustan, Frédéric, 2012, "Mousmés and French Colonial Culture: Making Japanese Women's Bodies Available in Indochina", *Journal of Vietnamese Studies*, 7, 1 : 52-105.
29. Roux, Paul, 1905, "La Prostituée japonaise au Tonkin", *Bulletins et Mémoires de la Société d'Anthropologie de Paris*, 6, 1: 203-210.
30. Doi: [10.3406/bmsap.1905.9670](https://doi.org/10.3406/bmsap.1905.9670)
31. Société Des Nations, 1932, *Commission of Enquiry into Traffic in Women and Children in the East. Report to the council*, Genève : Éditions de la Société des Nations.

32. Taraud, Christelle, 2003, *La Prostitution coloniale, Algérie, Tunisie, Maroc (1830-1962)*, Paris: Payot.
33. Taraud, Christelle, 2011, "La Virilité en situation coloniale, de la fin du XVIII^e siècle à la Grande Guerre", in *Histoire de la virilité*, Alain Corbin, Jean-Jacques Vigarello & Georges Courtine, Paris: le Seuil, p. 331-347.
34. Tracol-Huynh, Isabelle, 2013, "Entre ordre colonial et santé publique, la prostitution au Tonkin de 1885 à 1954", Thèse, Université de Lyon 2.
35. Trọng Lang, "Hà Nội lầm than" [Hanoi misérable], in *Phóng sự Việt Nam 1932-1945*, Hanoi: Nhà xuất bản Văn học, 2000 [première édition dans *Đời nay*, 1938], p. 93-243.
36. Việt Sinh, "Hà Nội ban đêm" [Hanoi la nuit], in *Phóng sự Việt Nam 1932-1945*, Hanoi, Nhà xuất bản Văn học, 2000 [première édition dans *Phong hóa*, 1933], p. 685-688.
37. Virgitti, Henri, 1938, *Quelques œuvres sociales dans la ville de Hanoi*, Hanoi: Imprimerie d'Extrême-Orient.
38. Vũ Trọng Phụng, 2001, *Làm đĩ* [la prostitution], Haiphong: Nhà xuất bản Hải Phòng, [première édition 1936].
39. Vũ Trọng Phụng, 2011, *Lục xì* [Prostitution and Venereal Disease in Colonial Hanoi], Malarney, Shaun Kingsley (trad.), Honolulu: University of Hawai'i Press, [première édition 1937].
40. Warren, James, 2003, *Ah Ku and Karayuki-san. Prostitution in Singapore 1870-1940*, Singapore, Singapore University Press, [première édition 1993].
41. X., 1938, "Les Conceptions modernes de la lutte contre le péril vénérien", *Annam nouveau*,